

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 17- 6 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương.

Ông Nguyễn Mạnh Thường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 3 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hạng A T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1991, tại huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản C, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hạng Sùng P (đã chết) và con bà Thào Thị K, sinh năm 1969; gia đình bị cáo có 07 anh, chị em bị cáo là con thứ ba; bị cáo có vợ Thào Thị D, sinh năm 1990 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: 01, theo Quyết định số 23/QĐ-TA, ngày 18/5/2018 của TAND huyện Mường Tè, Hạng A T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, ngày 07/3/2019 Hạng A T chấp hành xong (chưa được xóa tiền sự);

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vàng A C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1993, tại huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản C, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Nọ P1, sinh năm 1940 và bà Giàng Thị X, sinh năm 1955; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Lầu Thị X1, sinh năm 1997 và có

04 con, con lớn nhất sinh năm 2014, hai con nhỏ nhất sinh cùng năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho hai bị cáo: Ông Nguyễn Công Hưởng- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thào Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ bản C, xã T, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người làm chứng: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 20 phút ngày 26/11/2019, tổ công tác của Công an huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu làm nhiệm vụ tại ngã ba Pa So thuộc thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ phát hiện một nhóm đối tượng đi vào nhà nghỉ Hoàng Lan có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác vào nhà nghỉ thì ba đối tượng ở tiền sảnh bỏ chạy, tổ công tác đã khống chế bắt giữ được Hạng A T, sinh năm 1991 và Vàng A C, sinh năm 1993, đều trú tại bản C, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu, còn một đối tượng chạy thoát. Qua kiểm tra thu giữ được trong áo khoác trước bụng của Hạng A T một bọc được bọc ngoài bằng chiếc áo phông màu xanh (loại áo của trẻ em), bên trong là một túi nilon màu đen, trong có hai túi nilon màu xanh; trong mỗi túi đều là chất nhựa dẻo, màu nâu đen, mùi hắc được gói bằng lớp nilon màu trắng. Theo Hạng A T khai nhận đó là thuốc phiện của T đang cùng với Vàng A C mang vào nhà nghỉ Hoàng Lan để bán cho đối tượng tên là D1 (đã trốn thoát) nhưng chưa kịp bán thì bị bắt. Tổ công tác đã mời người làm chứng, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hạng A T và Vàng A C, đồng thời đưa các đối tượng cùng vật chứng về Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra làm rõ.

Hai gói chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ được giám định có khối lượng gói 1 là 936,24 gam đã trích 3,96 gam ký hiệu là M1 gửi đi giám định; gói 2 có khối lượng 667,02 gam trích 4,64 gam ký hiệu là M2 gửi đi giám định. Tổng khối lượng hai gói là 1.603,26 gam đã trích 8,6 gam, còn 1.594,66 gam được niêm phong trong hộp carton, cùng toàn bộ vỏ niêm phong cũ.

Tại Bản kết luận giám định số: 501/GĐ-KTHS, ngày 01/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 02 (hai) mẫu vật ký hiệu M1, M2 gửi giám định đều là chất ma túy: Loại thuốc phiện (không hoàn lại đối tượng giám định).

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận thống nhất như sau: Trong tháng 11 năm 2019, Hạng A T đến xã H, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu thăm anh

em họ hàng thì gặp một người đàn ông khoảng 50 tuổi tự giới thiệu tên là C1 nhà ở xã M, huyện Nậm Nhùn (T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể). Qua nói chuyện C1 bảo T có người đang muốn mua thuốc phiện, nếu T có thì mang bán và hai bên cho nhau số điện thoại. Ngày 23/11/2019 T ra thị trấn M, huyện Mường Tè chơi và được C1 đưa đi thị trấn P, huyện Phong Thổ gặp người mua thuốc phiện tên là D1 (T không biết họ tên, địa chỉ của D1), D1 và T thỏa thuận 18.000.000đ/1kg thuốc phiện. T hẹn khi nào có thuốc phiện sẽ mang bán cho D1. Ngày 25/11/2019, Hạng A Tùng đến bản C, xã T, huyện Mường Tè chơi thì gặp một người đàn ông khoảng 30 tuổi, người dân tộc Mông, quốc tịch Lào (T cũng không biết họ tên, địa chỉ). Qua trao đổi T mua được của người đó 1,7kg thuốc phiện với giá 17.000.000 đồng; T trả được 10.000.000 đồng còn 7.000.000 đồng T hẹn hai ngày sau sẽ trả. Mua được thuốc phiện T mang về nhà cất giấu không cho ai biết. Khoảng 17 giờ ngày 26/11/2019, T gọi điện thoại rủ Vàng A C, sinh năm 1993 (cùng bản với T) đến nhà T. Vàng A C đến nhà thì T nói T có thuốc phiện muốn mang đi xã P, huyện Sìn Hồ bán, C đi cùng thì về T sẽ trả công 1.000.000 đồng, C đồng ý. Vàng A C ra khỏi nhà T thì T lấy điện thoại gọi cho C1 thông báo đã có 1,7 kg thuốc phiện, C1 bảo mang đi bán cho D1, T đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày 26/11/2019, Hạng A T lấy một chiếc áo phông màu xanh của con trai T cuộn thêm bên ngoài bọc thuốc phiện, giấu vào trong áo khoác trước bụng và điều khiển xe mô tô BKS 25 M1-075.96 của gia đình đi lên đầu bản C, xã T, huyện Mường Tè đón C. Vàng A C đến thì T đưa bọc thuốc phiện cho C cầm ngồi sau xe. Đi đến đầu dốc đổ thị trấn Mường Tè T cầm bọc thuốc phiện ngồi sau xe, C là người điều khiển xe máy. Cả hai đi đến khu vực bản H, huyện Nậm Nhùn thì gặp C1 đang đứng ở đường, T bảo C dừng xe và đưa gói thuốc phiện bảo C mang đi giấu còn T đi đến gặp C1. Vàng A C giấu thuốc phiện ở chân hộ lan đường, cách chỗ C dừng xe khoảng 1m. C1 nói với T đến rồi đi thôi. T quay lại chỗ C đứng, C chỉ chỗ giấu thuốc phiện, T đi lấy và tiếp tục ôm bọc thuốc phiện ngồi sau xe để C điều khiển xe đi về xã P, huyện Sìn Hồ. C1 đi một xe mô tô khác đi phía trước. Khi cả bọn đi đến khu vực cầu P, huyện Sìn Hồ thì gặp D1 và một người đàn ông đi cùng đang đứng ở đường. T bảo C dừng xe và T ôm bọc thuốc phiện đến gặp D1. D1 bảo T lên xe của D1 chở và xe đi trước, còn người đàn ông đi cùng D1 lên xe máy C chở đi sau. C1 cũng đi và đi sau cùng. Đến ngã ba thị trấn P, huyện Phong Thổ, D1 bảo T vào nhà nghỉ để nghỉ ngơi và giao dịch mua bán. Khi T, D1, C đang ở tiền sảnh của nhà nghỉ thì bị bắt quả tang cùng tang vật. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của T một chiếc xe máy, một con dao, một chiếc điện thoại, một ví giả da trong có chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký mô tô xe máy đều mang tên Hạng A T, tạm giữ của C một chiếc điện thoại. Quá trình điều tra xác định vụ án thuộc thẩm quyền cấp trên nên đã chuyển vụ án theo thẩm quyền.

Tại Bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã quyết định truy tố hai bị cáo Hạng A T và Vàng A C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, không có tình tiết mới; các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày chiếc xe máy là tài sản chung của gia đình chị, do chị không biết chữ, không biết đi xe nên chồng chị là bị cáo T đi mua và là người thường xuyên đi xe nên các giấy tờ xe đều mang tên bị cáo T. Khi bị cáo T điều khiển xe đi vận chuyển ma túy từ Mùong Tè đến Phong Thổ chị không biết, chị đề nghị được nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại cho gia đình.

Người làm chứng chị Trần Thị Hồng T trình bày tại cơ quan điều tra: Khoảng 23 giờ 20 phút, ngày 26/11/2019, Công an huyện Phong Thổ bắt ba đối tượng vào nhà nghỉ của chị, trong đó có một đối tượng chạy trốn còn hai đối tượng bị bắt giữ. Hai đối tượng có tên là Hạng A T và Vàng A C, chị chứng kiến toàn bộ sự việc và thấy đối tượng tên là T khai nhận số tang vật gồm hai gói thu giữ là thuốc phiện của T cùng C đem bán cho một người tên là D1 đã chạy thoát.

Phản luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Hạng A T, Vàng A C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hạng A T từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vàng A C từ 12 đến 13 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu chất ma túy để tiêu hủy; tịch thu chiếc điện thoại của bị cáo T sung ngân sách Nhà nước, trả lại cho bị cáo T chiếc xe máy và các giấy tờ mang tên Hạng A T; trả lại chiếc điện thoại của bị cáo C và chứng minh thư nhân dân mang tên Vàng A C (đã mờ số) cho bị cáo C; tịch thu con dao của bị cáo T để tiêu hủy.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với nội dung, quyết định truy tố trong bản cáo trạng, cũng như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt; miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho các bị cáo và xử lý vật chứng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đề bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất có thể, bị cáo C mức án dưới khung.

Hai bị cáo đều nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: người bào chữa đồng nhất quan điểm giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, quyết định về hình phạt do Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, Viện kiểm sát đều đề nghị tiếp tục xét xử. Xét việc vắng mặt người làm chứng không cản trở quá trình xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Vào tháng 11/2019, trong quá trình đi chơi Hạng A T gặp một người tên là C1 hỏi T có thuốc phiện thì mang bán có người hỏi mua. Từ mối quen biết với C1 mà T gặp một người tên là D đặt mua thuốc phiện với giá 18.000.000 đồng/1kg. Về nhà, T đã tìm và mua được 02 gói thuốc phiện với giá 17.000.000 đồng. Mua được thuốc phiện, Hạng A T rủ Vàng A C đến xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ bán và hứa trả công cho C 1.000.000 đồng, C đồng ý; đồng thời T cũng gọi điện thông báo cho C1 đã có thuốc phiện và thống nhất hẹn nhau ở xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn. Khoảng 18 giờ, ngày 26/11/2019, Hạng A T và Vàng A C cùng nhau điều khiển xe máy BKS 25M1-075.96 của gia đình T đem theo thuốc phiện đến nơi hẹn để bán. Trên đường vận chuyển do người mua hẹn gặp và trao đổi mua bán ở nhà nghỉ Hoàng Lan, thuộc thôn Pa So, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên hai bị cáo cùng đi theo đến nhà nghỉ. Khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, tại nhà nghỉ Hoàng Lan, Hạng A T và Vàng A C đang chuẩn bị bán trái phép 1.603,26 gam thuốc phiện thì bị tổ công tác Công an huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Hành vi mua thuốc phiện, cất giấu để mục đích bán của bị cáo Hạng A T và hành vi cùng tham gia vận chuyển thuốc phiện khi biết rõ T mang thuốc phiện đi bán để được trả công của bị cáo Vàng A C, dù chưa được nhận tiền công, cũng như chưa bán kiếm lời được nhưng đã thể hiện về ý thức chủ quan các bị cáo mong muốn đi bán thuốc phiện; điều đó còn biểu hiện ở khối lượng chất ma túy bị thu giữ là lớn, quá trình vận chuyển khối lượng chất ma túy đó từ huyện Mường Tè ra huyện Phong Thổ là sự thật, tiếp đó còn có đối tượng thứ ba đến trao đổi mua bán, còn việc chưa bán được là nằm ngoài ý thức chủ quan của các

bị cáo. Do đó đủ kết luận, đó là hành vi mua bán trái phép chất ma túy, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta; Hành vi đó còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trị an. Bản thân các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, nhận thức được tác hại của ma túy và hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vậy, có cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo có hành vi mua bán trái phép 1.603,26 gam (tương đương là 1,6 kilôgam) thuộc phiên đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “...*nhựa thuốc phiện ...có khối lượng từ 01kilôgam đến dưới 05 kilôgam*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố đối với các bị cáo Hạng A T, Vàng A C về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Cụ thể Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: “1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

... 3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:*

a, *nhựa thuốc phiện ... có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam*”.....

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quy định của pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, hành vi của các bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự, trị an, gia tăng các loại tội phạm nên cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

Đây là vụ án có hai đối tượng nhưng không có cấu kết, phân công nhiệm vụ cụ thể mà chỉ là sự tiếp nhận mục đích và cùng nhau thực hiện tội phạm nên chỉ có tính chất đồng phạm giản đơn; trong đó bị cáo Hạng A T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo C và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo C không trực tiếp tham gia mua bán trái phép chất ma túy cùng bị cáo T, nhưng đồng ý cùng vận chuyển ma túy đi bán cho D1 để hưởng tiền công nên C giữ vai trò đồng phạm giúp sức, khi lượng hình cần áp dụng thêm Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để đảm bảo sự phân hóa tội phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án, riêng bị cáo T có tiền sự; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn, trình độ học vấn thấp, nên có phần hạn chế về pháp luật; hơn nữa quá trình điều tra và

tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Cần nhắc tính chất và mức độ đặc biệt nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ và chính sách của Đảng và Nhà nước ta nghiêm khắc trừng trị loại tội phạm về ma túy này. Do đó quan điểm đề nghị hình phạt chính của Viện kiểm sát, người bào chữa cho các bị cáo, nhất là áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Vàng A C với lý do đồng phạm có tình chất mờ nhạt là có phần còn nhẹ; bởi lẽ khối lượng chất ma túy các bị cáo bán đã vượt khỏi điểm khung hình phạt; bản thân các bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; vụ án có tình chất đồng phạm giản đơn; các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội; hơn nữa qua trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo C thừa nhận biết rõ bị cáo T mang thuốc phiện đi bán nên khi được rủ tham gia bị cáo đã tham gia tích cực từ việc ôm bọc thuốc phiện trên đường đi, đến việc ôm bọc thuốc phiện cất giấu, trong khi quá trình di chuyển bị cáo có nhiều cơ hội để từ bỏ việc phạm tội, chứng tỏ ý thức chủ quan của bị cáo C cũng mong muốn phạm tội đến cùng; việc bị cáo T bỏ tiền mua ma túy, tự liên hệ với người mua ma túy mà không bàn với bị cáo C là cả quá trình bị cáo T thực hiện trước khi rủ bị cáo C nên vai trò của T cao hơn bị cáo C chứ không thể đánh giá bị cáo C chỉ giúp sức về tình thần và có phần mờ nhạt. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa để đảm bảo trừng trị, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đều thuộc hộ nghèo không có điều kiện để thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo, vì vậy quan điểm của Viện kiểm sát và người bào chữa phù hợp được chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành như chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong hộp carton và con dao của Hạng A T mang theo phòng thân cần tịch thu để tiêu hủy;

Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội như chiếc điện thoại di động OPPO màu hồng của bị cáo Hạng A T cần tịch thu bán hóa giá để sung vào ngân sách nhà nước;

Những vật chứng như ví giả da, giấy phép lái xe, chứng minh thư nhân dân, đăng ký xe mô tô, xe máy của bị cáo Hạng A T và chiếc điện thoại của bị cáo Vàng A C, chứng minh thư nhân dân mang tên Vàng A C, đây là tài sản, giấy tờ tùy thân của bị cáo T, bị cáo C không phải là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo T và bị cáo C.

Đối với chiếc xe máy là công cụ phương tiện phạm tội khi bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội gia đình bị cáo không biết, hơn nữa qua xác minh và

lời khai của bị cáo T, lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất chiếc xe máy là tài sản từ tiền của vợ bị cáo, khi đi mua bị cáo T là người trực tiếp đi mua nên các giấy tờ xe đều đăng ký tên của bị cáo T. Do đó, cần xác định đó cũng là tài sản chung của gia đình, phương tiện đi lại duy nhất trong gia đình bị cáo nên cần trả lại cho gia đình bị cáo (người đại diện theo pháp luật cho gia đình bị cáo là chị Thào Thị D-vợ của bị cáo)

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Hạng A T và Vàng A C.

Trong vụ án này còn có người đàn ông dân tộc Mông, quốc tịch Lào là người bán thuốc phiện cho Tùng; người tên Đinh Văn C1 nhà ở xã M, huyện Nậm Nhùn là người giới thiệu người mua thuốc phiện cho Tùng và đối tượng D1 người mua thuốc phiện của T, nhưng do T đều không biết tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại đã xác minh không đúng nên cơ quan điều tra không xác định được để điều tra làm rõ, nên không đủ căn cứ xử lý là phù hợp.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hạng A T, Vàng A C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Hạng A T 16 (*Mười sáu*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 27/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Vàng A C 15 (*Mười lăm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 27/11/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu: 1.594,66 gam nhựa thuốc phiện còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ niêm phong cũ đã được niêm phong trong một hộp giấy carton và một con dao để tiêu hủy;

- Tịch thu một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Hạng A T để bán hóa giá sung vào ngân sách nhà nước;

- Trả cho bị cáo Hạng A T gồm: Một ví giả da, một giấy phép lái xe mang tên Hạng A T, một chứng minh thư nhân dân mang tên Hạng A T và một chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Hạng A T;

- Trả cho bà Thào Thị D (vợ của bị cáo Hạng A T) một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu sơn đen, BKS: 25M1 – 075.96;

- Trả cho bị cáo Vàng A C gồm: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng và một chứng minh thư nhân dân mang tên Vàng A C.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu ngày 25/3/2020).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Hạng A T và Vàng A C

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2020).

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Cấp cao;
- VKSND, Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; NCQLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu; NBC;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Tà Tổng (T/báo);
- Vụ GDKT 1-TANDTC;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN

Nguyễn Thị Thu Hà